

Mỹ Tho, ngày 13 tháng 5 năm 2017

Số: 3244/TB-TTV

THÔNG BÁO

Về việc lấy ý kiến cán bộ và nhân dân nội dung đặt tên đường trên địa bàn thành phố Mỹ Tho

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá-Thông tin hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Theo Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc kiện toàn Tổ Tư vấn đặt, đổi tên đường trên địa bàn thành phố Mỹ Tho.

Tổ Tư vấn đặt, đổi tên đường thành phố Mỹ Tho thông báo đến toàn thể cán bộ và nhân dân thành phố về việc đặt tên đường trên địa bàn thành phố Mỹ Tho như sau:

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thông qua việc đặt tên đường nhằm tôn vinh, ghi nhận công lao của những anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, các nhà chính trị, quân sự lỗi lạc được Nhà nước công nhận và nhân dân tôn vinh, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa của dân tộc Việt Nam trong công cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước. Đồng thời giúp thành phố Mỹ Tho thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động dân sự, giao dịch kinh tế, văn hóa xã hội trên địa bàn thành phố.

2. NỘI DUNG

STT	ĐƯỜNG CÓ TÊN THƯỜNG GỌI	TÊN MỚI
01	Đường dọc bờ kè sông Tiền (thuộc phường 1, phường 4 và phường 6)	Hoàng Sa
02	Đường dọc bờ kè sông Tiền (thuộc phường 2)	Trường Sa
03	Đường vào Ủy ban nhân dân phường 6 (thuộc phường 6)	Trần Văn Dực

04	Đường vào vựa lá Thanh Tòng phường 6 (thuộc phường 6)	Trần Văn Trâm
05	Đường vào trường lái xe (thuộc phường 9)	Trương Thành Công
06	Đường vào khu hành chính phường 9 (thuộc phường 9)	Âu Dương Lân
07	Đường tỉnh 864 Khu công nghiệp Mỹ Tho (thuộc xã Trung An)	Ngô Gia Tự
08	Đường vào Cảng cá (thuộc phường 2)	Mỹ Chánh
09	Đường nội bộ chợ Thạnh Trị, trước tiệm cơm Bình Minh (thuộc phường 4)	Thạnh Trị
10	Đường vào hãng nước mắm Nam Phát (thuộc phường 9)	Trần Thị Sanh
11	Đường vào KDC Sở Nông nghiệp (thuộc phường 10)	Đỗ Văn Thống
12	Đường vào KDC Mỹ Phong, tuyến phía Đông (thuộc xã Mỹ Phong)	Đặng Minh Nhuận
13	Đường vào KDC Mỹ Phong, tuyến phía Tây (thuộc xã Mỹ Phong)	Nguyễn Hữu Trí
14	Đường cống Gò Cát (thuộc xã Mỹ Phong)	Gò Cát
15	Đường vào KDC Đạo Thạnh (thuộc xã Đạo Thạnh)	Sơn Nam
16	Đường số 1 KDC Bình Tạo (thuộc xã Trung An)	Đoàn Giới
17	Đường số 2 KDC Bình Tạo (thuộc xã Trung An)	Phùng Há

3. HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN

Tổ Tư vấn đặt, đổi tên đường thành phố Mỹ Tho thực hiện nội dung thông báo này, đề cán bộ, nhân dân thành phố Mỹ Tho phản ánh thông tin qua điện thoại hoặc gửi nội dung đóng góp ý kiến về Tổ Tư vấn đặt, đổi tên đường thành phố Mỹ Tho thông qua cơ quan thường trực là Phòng Văn hóa và Thông tin, địa chỉ số 62 Đinh Bộ Lĩnh, phường 3, thành phố Mỹ Tho; Số điện thoại: 0733.872.225, ông Võ Quý Quốc, Phó trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin.

IV. THỜI GIAN

Từ ngày ra thông báo này đến hết ngày 23 tháng 6 năm 2017.

Tổ Tư vấn đặt, đổi tên đường thành phố Mỹ Tho rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ và nhân dân thành phố.

Thông báo này được phát trên Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố, Đài Truyền thanh các phường, xã, Trang thông tin điện tử thành phố Mỹ Tho và tờ Thông tin Mỹ Tho.

(Gửi kèm tiểu sử tóm tắt của các danh nhân, anh hùng liệt sĩ, địa danh được chọn để đặt tên các tuyến đường)./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn TP;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể TP;
- Đài Truyền thanh – Truyền hình TP;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Ban Biên tập tờ Thông tin Mỹ Tho;
- UBND phường, xã;
- Lưu: VT, (Đạt).



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Lê Thị Bé Phượng**

Tên các địa danh

- **Hoàng Sa:** tên một quần đảo, nằm trong khu vực biển Đông, có vị trí khoảng từ $15^{\circ}45'$ vĩ độ Bắc, 111° đến 113° kinh độ Đông, gồm trên 30 đảo, đá, cồn san hô, đá ngầm và bãi cạn, toàn bộ diện tích quần đảo khoảng 10 km^2 . Quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng, chủ quyền của Việt Nam, bị Trung Quốc chiếm đóng năm 1974.

- **Trường Sa:** tên một quần đảo, nằm trong khu vực biển Đông, có vị trí khoảng từ $6^{\circ}50'$ đến 12° vĩ độ Bắc, $111^{\circ} 30'$ đến $117^{\circ} 20'$ kinh độ Đông, gồm trên 100 hòn đảo, đá, cồn san hô và bãi cát, cách Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 248 hải lý, cách đảo Phú Quý (Bình Thuận) 203 hải lý, toàn bộ diện tích quần đảo khoảng 10 km^2 . Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa, chủ quyền của Việt Nam.

- **Mỹ Chánh:** Năm 1679, một nhóm người Minh Hương được Chúa Nguyễn cho vào định cư ở vùng đất Mỹ Tho, trong đó có Dương Ngạn Địch đứng ra lập Mỹ Tho đại phố ở làng Mỹ Chánh, huyện Kiến Hòa, khu đại phố này kéo dài từ phường 2, 3, 8 đến Cầu Vĩ, Gò Cát, tức khu vực xã Mỹ Phong hiện nay. Năm 1808, Mỹ Chánh là tên thôn nằm trong Tổng Kiến Thạnh, trải qua các thời Minh Mạng (1836), Thiệu Trị và Tự Đức sau đó, thôn Mỹ Chánh thuộc Tổng Thạnh Phong. Năm 1902, Mỹ Chánh là tên làng thuộc Tổng Thạnh Phong.

- **Thạnh Trị:** là tên làng thuộc Tổng Thuận Trị năm 1902, trước đó làng Thạnh Trị có tên là làng An Hòa do Thái Trấn thành lập.

- **Gò Cát:** là tên địa danh nằm trong làng Mỹ Chánh, huyện Kiến Hòa, Tổng Kiến Thạnh, sau đổi tên thành Tổng Thạnh Phong. Gò Cát là địa danh sản xuất ra hạt gạo nổi tiếng làm nên thương hiệu hủ tít Mỹ Tho.

Trần Văn Dược

(1929-1989)

Anh hùng Lao động, thầy thuốc nhân dân. Trần Văn Dược sinh năm 1929, tại Tuyên Thạnh, Mộc Hóa, Long An. Khi được tuyên dương Anh hùng, ông là Đại tá, Bác sĩ, Phó phòng Quân y Quân khu 9, nguyên Giám đốc xí nghiệp 408 (nuôi trồng dược liệu, trại rắn Đồng Tâm) thuộc Cục Hậu cần, Quân khu 9.

Trong 2 cuộc kháng chiến, ông bám trụ ở địa bàn Nam bộ, tổ chức cứu chữa thương bệnh binh và nhân dân, tham gia đánh địch bảo vệ căn cứ. Sau 30/4/1975, trong điều kiện khó khăn về thuốc chữa bệnh, ông cùng 2 cán bộ của Phòng Quân y xây dựng đội sản xuất, nuôi trồng dược liệu, chữa trị rắn cắn cho bộ đội và nhân dân. Ông đã nghiên cứu và thử nghiệm thành công việc nuôi rắn sinh sản tự nhiên với qui mô lớn, chế biến nhiều sản phẩm từ rắn phục vụ chữa bệnh và bán rắn sống ra nước ngoài, nghiên cứu thành công thuốc trị rắn cắn, lập ra phác đồ điều trị rắn cắn có hiệu quả, được phổ biến trong toàn quân.

Suốt thời gian công tác, ông cùng anh em cấp cứu, điều trị thành công trên 4.000 trường hợp bộ đội và nhân dân bị rắn độc cắn. Ngoài ra, ông còn chỉ đạo nuôi trăn, kỳ đà, gấu, cá sấu và nhiều cây thuốc quý khác để cung cấp nguyên liệu chế biến 19 loại dược liệu. Ông đã truyền đạt kinh nghiệm và góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ quân y kế thừa có chất lượng cao, xây dựng xí nghiệp ngày càng phát triển, đóng góp nhiều công trình trong nghiên cứu y học của toàn quân.

Với những thành tích đạt được, ông được tặng thưởng 8 Huân chương các loại, 01 Huy hiệu và bằng sáng tạo của Tổng Liên đoàn, danh hiệu Thầy thuốc nhân dân. Ngày 13/12/1989, ông được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lao động.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1214, 1215)

Trần Văn Trâm

(1932-1975)

Ông có tên thật là Trần Văn Hai, Bí danh là A2. Ông sinh năm 1932 tại Mỹ Long, Cai Lậy. Sớm giác ngộ cách mạng, ông được tổ chức phân công hoạt động nội thành dưới vỏ bọc là thợ sửa chữa điện tử ở chợ Nhị Quý, Cai Lậy. Năm 1969, ông được tăng cường cho Thành đoàn Mỹ Tho. Năm 1972 được đề bạt làm cán bộ phụ trách Tư Trí vận ở nội thành Mỹ Tho và trường trung học Nguyễn Đình Chiểu. Đồng thời được giao nhiệm vụ xây dựng các nút trạm giao liên công khai dọc theo đường 4 (nay là QL 1A) đoạn từ ngã ba Trung Lương đến Cái Bè.

Sáng ngày 30/4/1975, ông nhận nhiệm vụ từ Ban Chấp hành Thành đoàn chuẩn bị lực lượng xung kích thanh niên đưa vào nội ô Mỹ Tho, mà điểm chính là trường trung học Nguyễn Đình Chiểu. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng xung kích đã chiếm được trường Nguyễn Đình Chiểu, rồi tỏa ra chiếm Sở Học chánh Định Tường, Ngân hàng và trường nữ trung học Lê Ngọc Hân. Sau đó ông trực tiếp lái xe Jeep vừa tịch thu của địch, chở lực lượng xung kích của Thành đoàn chạy khắp thị xã, phát loa kêu gọi địch buông súng đầu hàng cách mạng, cũng như hiệu triệu quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Sau khi chiếm được các cơ quan trọng yếu của chính quyền địch ở nội ô thị xã, ông lái xe chở lực lượng này tiến chiếm dinh tỉnh trưởng ngụy. Khi đến ngang trại hải quân Chương Dương thì bị địch chặn lại, ông dũng cảm cho xe vượt qua, từ trên chòi gác địch dùng súng chống tăng M.72 bắn thẳng vào chiếc xe do ông điều khiển, ông đã hy sinh trong ngày toàn thắng của dân tộc, lúc đó ông 43 tuổi.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1215)

Trương Thành Công (1954–1973)

Liệt sĩ, Anh hùng LLVTND Trương Thành Công có tên gọi khác là Trương Thành Chơ, sinh năm 1954, quê quán: ấp Long Hòa, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang. Nhập ngũ năm 1968, hy sinh năm 1973. Khi hy sinh, đồng chí là đảng viên, Tiểu đội phó An ninh vũ trang, Ban An ninh tỉnh Mỹ Tho.

Đêm 04/12/1971, có kẻ phản bội ra chiêu hồi, dẫn 03 tiểu đoàn của Sư đoàn 7 ngụy đánh vào căn cứ của Tỉnh ủy ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Trương Thành Công được phân công bảo vệ các đồng chí đến địa điểm mới an toàn. Ngay trong đêm, địch đưa một đại đội thám sát vào cánh đồng Miếu Bà. Cùng lúc đơn vị cử 4 người nắm tin, cả 4 người đều hy sinh nên quyết định cử Trương Thành Công đi trinh sát. Bị địch phát hiện, anh dũng cảm bắn trả, tiêu diệt một số tên. Qua báo cáo của anh, đơn vị lên đường đánh địch. Khi đang di chuyển, ta diệt hoàn toàn đại đội thám sát địch. Riêng Trương Thành Công diệt 05 tên, thu 01 máy PRC25 và 03 khẩu súng.

Năm 1972 địch đưa 4 tiểu đoàn và 12 xe tăng, có phi cơ và pháo yểm trợ càn quét vào căn cứ Tỉnh ủy tại xã Long Tiên. Trương Thành Công đã góp phần quan trọng vào trận đánh bẻ gãy cuộc càn của địch, tiêu diệt và bị thương 50 tên.

Năm 1973, Trung đoàn 10 thuộc Sư đoàn 7 của ngụy liên tục đánh vào xã Long Tiên trong suốt 34 ngày, ta bám sát gỡ 150 quả lựu đạn, riêng đồng chí Trương Thành Công gỡ 50 quả.

Trương Thành Công đã cùng đơn vị đánh hơn 20 trận, diệt hơn 1.000 tên, bắt sống 170 tên, diệt 08 đồn, lấy 150 súng. Riêng Trương Thành Công diệt 310 tên, lấy 01 máy PRC25. Anh đã anh dũng hy sinh trong một lần được phân công đi mở đường, đưa bộ đội vào đánh bót.

Khen thưởng: Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì; ngày 24/01/1976 được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1220, 1221)

Âu Dương Lân

(?-1875)

Âu Dương Lân chưa rõ năm sinh, người thôn Phú Kiết, huyện Kiến Hưng, trấn Định Tường (nay là xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Ông thi đỗ cử nhân năm 1858 tại trường thi Hương Gia Định. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Tri huyện, nên còn gọi là huyện Lân.

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam kỳ (1859), ông tham gia phong trào kháng chiến do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và đày sang Cayenne ở Trung Mỹ vào năm 1864; rồi tiếp theo Võ Duy Dương hy sinh vào năm 1866; ông lui về quê nhà, nuôi chí quật khởi, chờ đợi thời cơ.

Năm 1869, Nguyễn Hữu Huân được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương) ở Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân đào thoát khỏi nơi giam giữ và lên về Mỹ Tho chiêu mộ nghĩa sĩ tiếp tục cuộc kháng Pháp. Ngay lập tức, ông đã bắt liên lạc và được Nguyễn Hữu Huân giao trọng trách làm Phó tướng của cuộc khởi nghĩa.

Năm 1875, ông bị quân Pháp bắt được và chém đầu ông tại bờ sông Tiền (nay thuộc khu vực công viên Lạc Hồng, thành phố Mỹ Tho). Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc tại xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1133)

Ngô Gia Tự (1908-1935)

Ngô Gia Tự sinh ngày 03/12/1908, trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước, tại làng Tam Sơn, tổng Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, nay là thôn Tam Sơn, xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Cuối năm 1926, Ngô Gia Tự gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đầu năm 1928, Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Ninh – Bắc Giang được thành lập, Ngô Gia Tự được bầu là Bí thư Tỉnh bộ. Giữa năm 1929, đồng chí được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ và Ủy viên Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ.

Ngày 17/6/1929, Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập, Ngô Gia Tự được cử vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Cuối tháng 7-1929, Ngô Gia Tự về Tam Sơn, thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên của hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang. Sau cuộc họp ngày 21/7/1929, Ngô Gia Tự được Chấp ủy Trung ương Đông Dương Cộng sản Đảng cử vào Nam kỳ gây dựng cơ sở Cách mạng, ông được bầu làm Bí thư Xứ ủy lâm thời của Đảng bộ Nam Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của ông, Đảng bộ đã chọn nhà máy Ba Sơn, đồn điền Phú Riềng, xã Vĩnh Kim (Mỹ Tho) làm cơ sở phát triển cách mạng.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo thống nhất toàn xứ, Ban Chấp ủy lâm thời Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, do ông Ngô Gia Tự làm Bí thư.

Ngày 24/2/1930, tại Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở Nam Kỳ, thay mặt Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí đã ký quyết nghị chấp thuận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đêm 31/5/1930, Ngô Gia Tự không may bị sa vào tay địch trong lúc đang viết truyền đơn tại một cơ sở cách mạng ở Phú An trên sông Thị Nghè (Sài Gòn). Biết Ngô Gia Tự là một “yếu nhân của Đảng”, kẻ thù đã tra tấn đồng chí hết sức dã man, nhưng vẫn không lay chuyển được ý chí sắt đá của người cộng sản kiên trung.

Trong ngục tù đế quốc, cùng với Hà Huy Giáp và một số đồng chí khác, Ngô Gia Tự đã tham gia dịch nhiều tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin; tổ chức viết báo, nghiên cứu những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam, rút kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng.

Cuối năm 1934, Chi bộ Nhà tù Côn Đảo quyết định cử Ngô Gia Tự cùng bảy chiến sĩ cộng sản vượt biển về đất liền nhưng do không chịu được sóng biển mùa gió chướng, đồng chí và các chiến sĩ trong đoàn đã anh dũng hy sinh (tháng 1/1935).

(Nguồn: Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam – Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật 2016).

Trần Thị Sanh

(? - ?)

Người thôn Thuận Ngãi, huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định, nay thuộc phường 1, thị xã Gò Công. Bà được xếp hàng “Thích lý” vì là chị em con cô con cậu với Thái hậu Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức.

Bà là người rất giàu có, sở hữu hàng trăm mẫu ruộng và hay làm điều nghĩa, việc thiện. Khoảng năm 1861, bà tái giá với Trương Định, theo lời truyền tụng của dòng họ Trần, cuộc hôn nhân này là do sự sắp xếp của Thái hậu Từ Dũ, nhằm sử dụng tiền bạc của bà để giúp Trương Định gây thanh thế đánh Pháp, bảo vệ vùng đất Gò Công, quê ngoại vua Tự Đức.

Khi Trương Định phát cờ khởi nghĩa, với danh nghĩa là phu nhân của Bình Tây Đại tướng quân, bà đã đóng góp tài sản của mình cho phong trào kháng chiến. Điều đó đã góp phần tạo nên những chiến công vang dội của Trương Định. Sau khi Trương Định tử tiết năm 1864, bà đã đấu tranh quyết liệt với địch, đòi bọn chúng phải cho bà mang thi hài của chồng mình về an táng ngay tại trung tâm Gò Công. Bà đã khéo léo ứng phó, khiến giặc không có cơ gây khó khăn. Bà xây mộ Trương Định bằng ô dước, trên bia mộ ghi: “Đại Nam An Hà Lãnh binh kiêm Bình Tây Đại tướng quân, Trương công húy Định chi mộ”. Thực dân Pháp biết, ra lệnh đục bỏ hàng chữ Bình Tây Đại tướng quân và phạt bà 10.000 quan tiền vì tội lập bia mộ trái phép.

Trong hai năm 1873, 1874, bà nhiều lần làm đơn đề nghị thống đốc Nam kỳ cho phép bà xây lại lăng mộ Trương Định. Do áp lực từ quần chúng, chính quyền thực dân miễn cưỡng chấp nhận. Ngôi mộ mới của Trương Định được làm bằng đá hoa cương kiên cố, đồng thời bà còn cho lập bia, các bức hoành phi và trụ đá ghi lại thân thế và ca ngợi sự nghiệp hào hùng của Trương Định. Trước việc ấy, một lần nữa chính quyền thực dân Pháp lại ra lệnh đục xóa bia mộ và phá hủy các bức hoành phi, trụ đá được tôn trí tại mộ.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1144, 1145)

Đỗ Văn Thống

(1837-1894)

Còn có tên là Trần Xuân Sanh, sinh năm 1837 tại thôn Bình Quơn, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1875, ông tham gia cuộc khởi nghĩa của Thủ khoa Huân ở Chợ Gạo, được giữ chức Đội trưởng rồi lên Phó Thống quản. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp. Để tránh né sự truy lùng của giặc, ông di chuyển đến ngụ cư và làm ruộng tại Tân Thuận Đông, Bình Trị Hạ, Gia Định, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với những nhà yêu nước ở Trung kỳ như Lê Công Chánh, Nguyễn Đăng Giai, Tống Hưng Nho... để chờ thời cơ hoạt động trở lại.

Cuối tháng 9 năm 1893, ông tham gia vào ban lãnh đạo của cuộc vận động khởi nghĩa Cần Vương ở Nam kỳ với chức vụ là Nam kỳ hiệp thống. Đầu tháng 10 năm 1893, ông đã cùng với ban lãnh đạo phát hịch kêu gọi nhân dân tích cực quyên góp tiền bạc, sắm sửa vũ khí, đứng lên đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp. Ngay sau đó, ông trở về Mỹ Tho chiêu tập nghĩa sĩ và gây dựng lực lượng.

Tháng 01 năm 1894, cuộc vận động Cần Vương bị thực dân Pháp phát hiện và truy lùng ráo riết các yếu nhân của phong trào, tháng 02 năm 1894 ông bị giặc bắt và giam tại nhà lao Mỹ Tho, đến tháng 4 năm 1894, chính quyền thực dân đày ông ra Côn Đảo và mất tại nhà tù.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1134, 1135)

Đặng Minh Nhuận

(1932-1963)

Đặng Minh Nhuận còn có tên là Đoàn Triết Minh, Nguyễn Bảy, sinh năm 1932 tại Châu Thành, Vĩnh Long trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước.

Năm 1948, ông gia nhập bộ đội, chiến đấu tại chiến trường Vĩnh Long. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1954 ông tập kết ra Bắc và sau đó được cấp trên bố trí vào học trường Sĩ quan lục quân. Sau khi hoàn thành khóa học vào năm 1958, ông làm công tác biên phòng tại vùng biên giới Việt-Trung. Năm 1962, ông tình nguyện vượt Trường Sơn, trở về miền Nam chiến đấu. Cuối năm 1962, ông nhận nhiệm vụ tại chiến trường Khu Trung Nam bộ (Khu 8) với quân hàm Trung úy, Đại đội Trưởng Đại đội 1, Tiểu đoàn 261, Khu 8.

Ngày 01/01/1963, ông chỉ huy bộ đội hành quân về Ấp Bắc (thuộc xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (nay thuộc xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Ngày 02/01/1963, địch mở cuộc càn mang tên “Đức Thắng 1/63”, huy động một lực lượng hùng hậu, với trang bị hiện đại, mở cuộc tấn công với quy mô lớn vào Ấp Bắc. Nhưng dưới sự chỉ huy tài giỏi và dũng cảm của ông, bộ đội ta đã đánh bại tất cả các đợt xung phong của địch, tạo nên chiến thắng vang dội: Chiến thắng Ấp Bắc.

Sau chiến thắng Ấp Bắc, ông còn chỉ huy đơn vị đánh thắng nhiều trận khác trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho. Ngày 30/8/1963, ông chỉ huy bộ đội tiến công đồn Thạnh Nhựt (nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Trong trận này, ông bị thương nặng và đã anh dũng hy sinh.

Năm 1995, ông được nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Hiện nay, phần mộ của ông nằm tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Tiền Giang.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1155, 1156)

Nguyễn Hữu Trí

(1917-1979)

Nhạc sĩ, ông còn có tên là Nguyễn Văn Bảy, ông sinh ra tại làng Điều Hòa, Tổng Thạnh Trị, tỉnh Mỹ Tho, nay thuộc phường 1, thành phố Mỹ Tho. Thuở nhỏ, ông rất đam mê âm nhạc và sử dụng thành thạo nhiều loại nhạc cụ, nhưng giỏi nhất là đàn violon.

Tháng 10/1945, thực dân Pháp trở lại đánh chiếm Mỹ Tho, ông tình nguyện gia nhập bộ đội chiến đấu chống giặc. Được cấp trên điều về công tác tại Ban Tuyên huấn Khu 8; sau đó nhận nhiệm vụ Đội phó Đội Quân nhạc Quân khu 8.

Năm 1949, ông phổ nhạc bài thơ “Tiểu đoàn 307” của nhà thơ Nguyễn Bính. Bản nhạc được phổ biến lần đầu tiên vào lúc Tiểu đoàn 307 đang đóng quân tại bờ sông Nhị Mỹ, Cao Lãnh. Bài hát đã nhanh chóng đi vào đời sống và tình cảm của bộ đội và nhân dân. Năm 1952, bài hát này nhận được giải thưởng âm nhạc văn nghệ Cửu Long. Sau này ông còn phổ nhạc bài thơ “Phá đường” của nhà thơ Tố Hữu và cùng với các tác giả khác sáng tác hai vở opera có tên “Ngày ra đi” và “Ba người chiến sĩ năm 40”.

Năm 1952, do bệnh nặng, được sự cho phép của cấp trên, ông trở về gia đình để chữa bệnh. Do bị chính quyền thực dân truy nã gắt gao, nên ông phải đổi họ tên, trốn lánh ở nhiều nơi và làm mọi nghề để sinh sống. Cuối cùng, ông định cư với nghề dạy học và lập gia đình tại Vĩnh Mỹ, Bạc Liêu.

Năm 1979, ông qua đời tại ấp Châu Phú, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1249)

Sơn Nam
(1926-2008)

Nhà văn Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tài (giấy khai sinh viết sai thành Tày) sinh năm Bính Dần, ngày 11.12.1926 tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá, nay thuộc tỉnh Kiên Giang. Ông học tại Cần Thơ, tham gia kháng chiến chống Pháp, hoạt động trên lĩnh vực văn hoá văn nghệ. Khởi đầu ông làm thơ nhưng sau đó chuyển sang viết văn, biên khảo...

Sau Hiệp định Geneva 1954, ông ở lại miền Nam, tiếp tục làm báo, viết văn ở Sài Gòn, cộng tác với các báo: *Tiếng Chuông*, *Nhân Loại*, *Công Lý*, *Lẽ Sống*, *Tia Sáng*... Ông từng bị chính quyền Việt Nam Cộng hoà bắt bỏ tù vào khoảng năm 1960-1961.

Tên tuổi Sơn Nam gắn liền với tập truyện ngắn *Hương rừng Cà Mau* và nhiều công trình khảo cứu đầy giá trị về công cuộc khẩn hoang ở Nam Bộ. Phong cách giản dị, dễ gần gũi, suốt đời gắn liền với nghiệp văn, ông có nhiều cống hiến quan trọng đối với nền văn học lẫn khoa học lịch sử Sài Gòn - Nam bộ, được nhiều đồng nghiệp và người đọc các thế hệ yêu quý.

Năm 1977, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Nhà văn - nhà Nam bộ học Sơn Nam từ trần năm 2008 ở thành phố Hồ Chí Minh và yên nghỉ tại Công viên Nghĩa trang Chánh Phú Hoà tỉnh Bình Dương. Hiện tại thành phố Mỹ Tho có nhà lưu niệm ông bên dòng sông Bảo Định.

(Nguồn Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh)

Đoàn Giới
(1925-1989)

Nhà văn sinh năm 1925 tại Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Sau khi có bằng Thành chung của trường Collège de My Tho, ông lên Sài Gòn học hội họa tại trường Mỹ thuật Gia Định. Ông sáng tác rất sớm. Năm 1943 đã có truyện ngắn *Nhớ cố hương* đăng trên tờ *Nam kỳ tuần báo* do Hồ Biểu Chánh làm chủ bút.

Tham gia cách mạng năm 1945, đến năm 1947, làm Trưởng Công an, phụ trách 10 xã của huyện Châu Thành. Năm 1948, được đề bạt làm Trưởng ban Trinh sát Công an huyện; rồi Phó Trưởng ty Tuyên truyền tỉnh Mỹ Tho, phụ trách Phòng Văn nghệ kiêm Chủ bút báo *Tiền Phong* - cơ quan của Mặt trận Việt Minh tỉnh Mỹ Tho. Năm 1950, được phân công xuống Rạch Giá, đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng ty Thông tin. Năm 1951, được bầu làm ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Nam bộ kiêm Phó Trưởng phòng Văn nghệ thuộc Sở Thông tin Nam bộ và Ủy viên biên tập tạp chí *Lá Lúa*.

Về mặt văn chương, trong thời kỳ 1946 - 1954, ông viết nhiều thể loại khác nhau, như ký sự lịch sử có *Khí hùng đất nước*, *Những dòng chữ máu*, *Nam kỳ năm 40*; truyện ngắn có *Đường về gia hương*, kịch thơ có *Người Nam thà chết không hàng*, *Chiến sĩ Tháp Mười*; tập thơ có *Giữ vững niềm tin*.

Năm 1954, tập kết ra Bắc, công tác tại Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam rồi Hội Văn nghệ Việt Nam. Thời kỳ này, ông có những tác phẩm nổi tiếng, phản ánh cuộc chiến đấu chống Mỹ hào hùng của nhân dân Nam bộ, như *Giòng máu Việt Nam phải lưu thông*, *Cây đước Cà Mau*, *Ngon Tầm vòng*, *Cá bóng mú*, *Hoa hướng dương*, *Trần Văn Ôn*, *Rừng đêm xào xạc*, *Cuộc truy tìm kho vũ khí*. Đặc biệt là quyển *Đất rừng phương Nam* được bạn đọc trong và ngoài nước đón nhận nồng nhiệt. Ông còn viết kịch bản sân khấu, như các vở *Ánh lửa*, *Trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ*, *Bát tử*, *Ba lần dũng sĩ*, trong đó, hai vở sau viết chung với Hoài Anh.

Sau năm 1975, ông trở về miền Nam, công tác tại Hội Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, vẫn chủ đề về Nam bộ, ông có các quyển *Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày* viết về Bác Tôn Đức Thắng, *Từ đất Tiền Giang* viết về cán bộ cách mạng lão thành Nguyễn Thị Thập, *Tiếng gọi ngàn* và *Các con vật trên rừng dưới biển*.

Bên cạnh đó, ông đã hoàn thành việc sưu tập một khối lượng lớn tư liệu để chuẩn bị viết quyển *Núi cả cây ngàn*, nói về thuở hồng hoang và những trang sử thi của vùng đất mới phương Nam. Thế nhưng, một cơn bạo bệnh đã bất ngờ ập đến, ông đã lìa trần vào đầu tháng 4-1989 tại thành phố Hồ Chí Minh, thọ 64 tuổi. Ông được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1231-1232)

Phùng Há

(1911-2009)

Bà có tên thật là Trương Phụng Hảo, sinh năm 1911 tại Điều Hòa, Mỹ Tho. Năm 1924 lúc 23 tuổi, bà trở thành cô đào của gánh hát Tái Đồng Ban với nghệ danh Phùng Há. Kể từ thời điểm đó, bà theo các gánh hát của thầy Năm Tú, gánh Huỳnh Kỳ của Bạch công tử Lê Công Phước, gánh Trần Đắc...

Năm 1935, bà hợp tác với nghệ sĩ Năm Phi lập đoàn Phi Phụng, rồi một năm sau lập tiếp đoàn Phụng Hảo. Bà từng cộng tác với các nghệ sĩ như Năm Giao, Ba Vân... lập ra nhiều đoàn cải lương khác. Các vai diễn nổi tiếng của bà trong các vở: Đêm không ngày, Đời cô Lựu, Mạnh Lệ Quân thoát hài, Tô Ánh Nguyệt, Phụng Nghi Đình, Giọt máu chung tình...

Không chỉ là một nghệ sĩ, bà còn là một nhà hoạt động xã hội (Hội trưởng Hội Ái Hữu). Trước năm 1975, bà từng tham gia lãnh đạo anh em nghệ sĩ biểu tình buộc địch phải trả tự do cho nghệ sĩ Năm Châu, hay cùng soạn giả Trần Hữu Trang đấu tranh chống sa thải công nhân Ba Son.

Về cuối đời, bà tham gia Ban Quản trị chùa nghệ sĩ để lo đời sống vật chất và tinh thần cho những nghệ sĩ về già, không nơi nương tựa. Bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, bà mất năm 2009 tại thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguồn Địa chí Tiền Giang tập 2, trang 1264)